

Số: 22/2020/LG

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI;

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LÊ GIA**
 - Mã chứng khoán: **KDM**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 - Tòa nhà số 86 phố Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
 - Điện thoại: 0343 306 736 - Email: cbtt.kdm@gmail.com
 - Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Chí Tân
 - Chức vụ: Tổng giám đốc
 - Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán bán niên năm 2020.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam vào ngày 09/09/2020 tại địa chỉ: www.hpvietnam.net/quanhecodong.
- Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư;

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



The stamp is red and circular, containing the text: 'LE GIA HOLDINGS', 'CTCP', 'TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LÊ GIA', and 'MSTN: 0700324666'. A black signature is written across the stamp.

**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN CHÍ TÂN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LÊ GIA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06 - 29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành, được thành lập và hoạt động theo Quyết định của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700324666 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2009. Ngày 20/7/2017, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 đổi tên từ Công ty cổ phần xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam. Ngày 25/8/2020 đăng ký thay đổi lần thứ 17 đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, Tòa nhà số 86 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Đức Thắng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông: Hoàng Lê Hoàng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/5/2019)
Ông: Đào Nam Phong	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông: Lê Khánh Trinh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông: Khiếu Xuân Khương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/8/2020)
Bà: Lê Thị Hạnh Nguyên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông: Kiều Đức Lâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15/8/2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Chí Tân	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông: Quách Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15/8/2020)
Bà: Lê Thị Hạnh Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Bùi Việt Quân	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 15/8/2020)
Ông: Đặng Tiến Biên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/5/2019)
Ông: Bùi Duy Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/5/2019)
Ông: Vũ Văn Hùng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 15/8/2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Tân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020

Số: 99/2020/ASCO/BCTC-NV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia được lập ngày 05 tháng 9 năm 2020, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Chúng tôi không được cung cấp chứng từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Dự án Đầu tư xây dựng trang trại và các hạng mục khác tại Hà Tĩnh, cũng như các chứng từ liên quan đến khoản chuyển nhượng toàn bộ giá trị tài sản đã đầu tư tại Dự án cho ông Đỗ Văn Luyện, số tiền: 7.147.483.442 VND (Thuyết minh số 9 và thuyết minh số 14). Vì vậy chúng tôi không thể kết luận tính có thật cũng như tính chính xác về 2 khoản mục này.
- Chúng tôi không được cung cấp chứng từ liên quan đến khoản phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land, số tiền: 20.000.000.000 đồng (thuyết minh số 6), vì vậy chúng tôi không kết luận về tính hiện hữu, tính đánh giá, trình bày và thuyết minh về khoản mục Phải thu về cho vay này.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi chưa nhận được danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 31.12.2019 và 30.6.2020 do tại thời điểm này đơn vị không thực hiện thủ tục với Trung tâm lưu ký Chứng khoán (VSD). Chi tiết tại thuyết minh số 16. Vốn chủ sở hữu.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định Giá ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1629-2018-149-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		77.667.244.354	74.023.516.889
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.022.792.457	10.397.009.216
111	1. Tiền		1.022.792.457	10.397.009.216
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.865.908.074	51.219.105.074
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	29.851.895.745	22.125.605.745
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	75.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	25.500.000.000	25.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	13.706.512.329	3.710.999.329
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	06	(192.500.000)	(192.500.000)
140	III. Hàng tồn kho	09	7.261.783.442	12.099.283.442
141	1. Hàng tồn kho		7.261.783.442	12.099.283.442
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		516.760.381	308.119.157
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	510.924.999	17.445.454
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.835.382	290.673.703
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.643.511.212	27.190.425.395
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		106.922.000	106.922.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	106.922.000	106.922.000
220	II. Tài sản cố định		1.036.589.212	1.583.503.395
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	847.817.995	1.281.469.452
222	- Nguyên giá		6.333.139.999	6.333.139.999
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.485.322.004)	(5.051.670.547)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	188.771.217	302.033.943
225	- Nguyên giá		1.132.627.272	1.132.627.272
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(943.856.055)	(830.593.329)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	24.000.000.000	24.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.000.000.000	24.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.500.000.000	1.500.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.500.000.000	1.500.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		104.310.755.566	101.213.942.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		27.779.887.182	23.362.887.122
310	I. Nợ ngắn hạn		27.779.887.182	23.362.887.122
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.439.230.060	15.022.230.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	7.147.483.442	7.147.483.442
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.193.173.680	1.193.173.680
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.530.868.384	77.851.055.162
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	76.530.868.384	77.851.055.162
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		71.000.000.000	71.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		71.000.000.000	71.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.530.868.384	6.851.055.162
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.851.055.162	4.943.514.263
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(1.320.186.778)	1.907.540.899
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		104.310.755.566	101.213.942.284

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Liễu

Nguyễn Thị Kiều Anh

Nguyễn Chí Tân



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

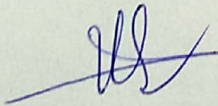
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	(6 tháng đầu năm 2020)	(6 tháng đầu năm 2019)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	7.023.900.000	29.548.161.950
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.023.900.000	29.548.161.950
11	4. Giá vốn hàng bán	18	6.852.954.600	27.175.117.735
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.945.400	2.373.044.215
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	740.474.647	4.505.118
22	7. Chi phí tài chính	20	1.000.000.000	24.584.319
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	24.584.319
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.231.606.825	348.910.519
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.320.186.778)	2.004.054.495
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	3.884.680
40	13. Lợi nhuận khác		-	(3.884.680)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.320.186.778)	2.000.169.815
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	92.628.916
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.320.186.778)	1.907.540.899
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(186)	269

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Bà Thị Thu Thủy





Nguyễn Thị Kiều Anh


Nguyễn Chí Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
 (Theo phương pháp trực tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	(6 tháng đầu năm 2020)	(6 tháng đầu năm 2019)
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		-	14.142.201.916
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(115.172.187)	(36.810.700.447)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		-	(95.681.818)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(24.584.319)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.564.487.000	82.500.000.000
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.504.006.219)	(80.506.884.680)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.054.691.406)	(20.795.649.348)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(24.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		680.474.647	4.505.118
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		680.474.647	(43.995.494.882)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(430.790.000)
35	2. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(127.733.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(558.523.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.374.216.759)	(65.349.667.230)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.397.009.216	67.280.938.328
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	1.022.792.457	1.931.271.098

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020


Người lập biểu


 Phạm Thị Thu Liễu

Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Kiều Anh

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Chí Tân



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành, được thành lập và hoạt động theo Quyết định của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700324666 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2009. Ngày 20/7/2017, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 đổi tên từ Công ty cổ phần xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam. Ngày 25/8/2020 đăng ký thay đổi lần thứ 17 đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà số 86 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 71.000.000.000 đồng; tương đương 7.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh thương mại, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn vật liệu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm Công ty có thay đổi Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc theo Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid19 với diễn biến khó lường và phức tạp đã tác động tiêu cực đến tình hình kinh doanh của Công ty, làm cho Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh so với 6 tháng đầu năm 2019.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.018.817.697	392.999.103
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.974.760	10.004.010.113
	<u>1.022.792.457</u>	<u>10.397.009.216</u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Miền Bắc	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/6/2020 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Miền Bắc	Hải Phòng	43,63%	43,63%	Vận tải và bán buôn bán lẻ xăng dầu

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 25.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Nhiên liệu Sài Gòn	15.806.093.865	-	15.806.093.865	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Linh Khoa	5.392.200.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Đầu tư Việt Nam	3.644.146.880	-	3.644.146.880	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 8 Lạng Sơn	2.334.090.000	-	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Đại Phát	2.290.365.000	-	2.290.365.000	-
- Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	220.000.000	(110.000.000)	220.000.000	(110.000.000)
- Công ty Cổ phần Trường Tiền Holdings	165.000.000	(82.500.000)	165.000.000	(82.500.000)
	29.851.895.745	(192.500.000)	22.125.605.745	(192.500.000)
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	165.000.000	(82.500.000)	165.000.000	(82.500.000)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land (i)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Sáng (ii)	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-
Phải thu về cho vay các bên liên quan	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

(i): Hợp đồng cho vay số 2006/2019/HĐKT ngày 20/6/2019 và Phụ lục gia hạn hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn vay: 20/6/2019 - 20/12/2019, phụ lục gia hạn đến 20/3/2020;
- Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2020 là 20.000.000.000 đồng;
- Tới thời điểm phát hành báo cáo này, khoản cho vay này vẫn chưa được thu hồi.

(ii): Hợp đồng cho vay số 0110/2019/HĐVV ngày 01/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và ông Nguyễn Văn Sáng, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0,04%/ngày;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm kỳ là 5.500.000.000 đồng;
- Tới thời điểm phát hành báo cáo này, khoản cho vay này vẫn chưa được thu hồi.

7. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	12.500.000.000	-	2.564.487.000	-
+ Ông Nguyễn Tiến Dũng	7.500.000.000	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết	5.000.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Thành Long	-	-	2.000.000.000	-
+ Ông Lê Khánh Trinh	-	-	564.487.000	-
- Phải thu khác	1.206.512.329	-	1.146.512.329	-
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land - Tiền lãi dự thu	1.160.712.329	-	1.100.712.329	-
+ Ông Nguyễn Văn Sáng - Tiền lãi dự thu	41.800.000	-	41.800.000	-
+ Công ty TNHH PKF Việt Nam	4.000.000	-	4.000.000	-
	13.706.512.329	-	3.710.999.329	-
b) Dài hạn				
- Đặt cọc, Ký cược, ký quỹ	106.922.000	-	106.922.000	-
	106.922.000	-	106.922.000	-
b) Phải thu khác là các bên liên quan	13.702.512.329	-	1.706.999.329	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

8. NỢ XUẤT

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	220.000.000	110.000.000	220.000.000	110.000.000
- Công ty Cổ phần Trường Tiền Holdings	165.000.000	82.500.000	165.000.000	82.500.000
	385.000.000	192.500.000	385.000.000	192.500.000

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	7.147.483.442	-	7.147.483.442	-
- Hàng hóa	114.300.000	-	4.951.800.000	-
	7.261.783.442	-	12.099.283.442	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Đầu tư xây dựng trang trại và các hạng mục khác tại: Vùng Nam Vung, thôn Tân Hà, xã Kỳ Hưng, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ giá trị tài sản đã đầu tư tại dự án cho ông Đỗ Văn Luyện. Đối tác đã ứng trước tiền mua bằng đúng giá trị mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia đã đầu tư dở dang số tiền: 7.147.483.442 đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	350.640.908	4.902.430.000	1.035.069.091	45.000.000	6.333.139.999
Số dư cuối kỳ	350.640.908	4.902.430.000	1.035.069.091	45.000.000	6.333.139.999
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	350.640.908	4.213.617.125	442.412.514	45.000.000	5.051.670.547
Khấu hao trong kỳ	-	350.705.374	82.946.083	-	433.651.457
Số dư cuối kỳ	350.640.908	4.564.322.499	525.358.597	45.000.000	5.485.322.004
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	688.812.875	592.656.577	-	1.281.469.452
Tại ngày cuối kỳ	-	338.107.501	509.710.494	-	847.817.995

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.988.840.908 VND

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.132.627.272	1.132.627.272
Số dư cuối kỳ	1.132.627.272	1.132.627.272
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	830.593.329	830.593.329
Khấu hao trong kỳ	113.262.726	113.262.726
Số dư cuối kỳ	943.856.055	943.856.055
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	302.033.943	302.033.943
Tại ngày cuối kỳ	188.771.217	188.771.217

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.924.999	17.445.454
- Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	500.000.000	-
	510.924.999	17.445.454
b) Dài hạn		
- Chi phí tư vấn doanh nghiệp	1.500.000.000	-
- Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	1.500.000.000
	1.500.000.000	1.500.000.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thuận An	8.075.000.000	8.075.000.000	8.075.000.000	8.075.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng	5.446.980.000	5.446.980.000	5.446.980.000	5.446.980.000
- Công ty TNHH Thương mại Nhiên liệu Sài Gòn	2.217.000.060	2.217.000.060	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Và Quản lý Châu Á ABS GROUP	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nguyễn Khang Hà Nam	1.500.250.000	1.500.250.000	1.500.250.000	1.500.250.000
	19.439.230.060	19.439.230.060	15.022.230.000	15.022.230.000
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	10.275.000.000	10.275.000.000	8.075.000.000	8.075.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 25)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Ông Đỗ Văn Luyện (i)	7.147.483.442	7.147.483.442
	7.147.483.442	7.147.483.442

(i): Đối tác ứng tiền trước theo hợp đồng chuyển nhượng dự án (TM số 09)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	411.526.592	702.390.000	702.390.000	-	411.526.592
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	781.647.088	-	-	-	781.647.088
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	1.193.173.680	705.390.000	705.390.000	-	1.193.173.680

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	71.000.000.000	4.943.514.263	75.943.514.263
Lãi trong kỳ trước	-	1.907.540.899	1.907.540.899
Số dư cuối kỳ trước	71.000.000.000	6.851.055.162	77.851.055.162
Số dư đầu kỳ nay	71.000.000.000	6.851.055.162	77.851.055.162
Lỗ trong kỳ này	-	(1.320.186.778)	(1.320.186.778)
Số dư cuối kỳ này	71.000.000.000	5.530.868.384	76.530.868.384

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Lê Gia hiện đang giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán KDM. Danh sách cổ đông của Công ty hiện đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD). Do vậy, tại thời điểm 31/12/2019 và 30/6/2020 công ty chưa lập được danh sách cổ đông lớn (trên 5%) tại thuyết minh này.

c) Cổ phiếu

	30/6/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.100.000	7.100.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	7.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	7.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.023.900.000	21.148.161.950
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	8.400.000.000
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.023.900.000	29.548.161.950

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.852.954.600	19.775.117.735
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	7.400.000.000
	6.852.954.600	27.175.117.735

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	740.474.647	4.505.118
	740.474.647	4.505.118

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	24.584.319
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	24.584.319

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	-	51.681.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	546.914.183	1.256.483.804
Chi phí dự phòng	-	(1.540.909.916)
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	1.889.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	681.692.642	-
Chi phí khác bằng tiền	-	579.765.575
	1.231.606.825	348.910.519

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.320.186.778)	2.000.169.815
Các khoản điều chỉnh tăng	463.968.101	(1.537.025.236)
- Chi phí khấu hao không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	463.968.101	(1.537.025.236)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(856.218.677)	463.144.579
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	92.628.916

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.320.186.778)	1.907.540.899
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.320.186.778)	1.907.540.899
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.100.000	7.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(186)	269

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.022.792.457	-	10.397.009.216	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.665.330.074	192.500.000	25.943.527.074	(192.500.000)
Các khoản cho vay	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-
	70.188.122.531	192.500.000	61.840.536.290	(192.500.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	19.439.230.060	15.022.230.000
	19.439.230.060	15.022.230.000

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/6/2020	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.022.792.457	-	-	1.022.792.457
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.750.908.074	106.922.000	-	43.857.830.074
Các khoản cho vay	25.500.000.000	-	-	25.500.000.000
	70.273.700.531	106.922.000	-	70.380.622.531

Tại ngày 01/01/2020

Tiền và các khoản tương đương tiền	10.397.009.216	-	-	10.397.009.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.644.105.074	106.922.000	-	25.751.027.074
Các khoản cho vay	25.500.000.000	-	-	25.500.000.000
	61.541.114.290	106.922.000	-	61.648.036.290

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/6/2020	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	19.439.230.060	-	-	19.439.230.060
	19.439.230.060	-	-	19.439.230.060

Tại ngày 01/01/2020

Phải trả người bán, phải trả khác	15.022.230.000	-	-	15.022.230.000
	15.022.230.000	-	-	15.022.230.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Lê Gia
Tầng 3, Tòa nhà số 86 phố Dịch Vọng Hậu, phường
Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thuận An	TGD Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Thuận An là thành viên BKS
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen	TGD Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen là thành viên của HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây dựng Lắp đặt Điện Thiên Trường	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Đại Việt	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Đại Việt là thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Lê Gia
Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land	Có ông Lê Khánh Trinh là người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land đồng thời là chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Lê Gia

Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các thành viên cổ đông nắm giữ số lượng lớn cổ phiếu của Công ty

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	165.000.000	165.000.000
Công ty Cổ phần Trường Tiền Holdings	165.000.000	165.000.000
Phải thu về cho vay	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Sáng	5.500.000.000	5.500.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	13.702.512.329	1.706.999.329
Công ty Cổ phần Địa ốc Trường Tiền Land - Tiền lãi dự thu	1.160.712.329	1.100.712.329
Ông Nguyễn Văn Sáng - Tiền lãi dự thu	41.800.000	41.800.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng - Tạm ứng	7.500.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Tạm ứng	5.000.000.000	-
Ông Lê Khánh Trinh - Tạm ứng	-	564.487.000
Phải trả cho người bán	10.275.000.000	8.075.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thuận An	8.075.000.000	8.075.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Quản lý Châu Á ABS GROUP	2.200.000.000	-

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Liễu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kiều Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Chí Tân